TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 10/11/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Triệu Khánh Long
Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 10/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/6/2021; Thông báo về việc không tiến hành xét xử số 99/2021/TB-TA ngày 19/7/2021; Thông báo tiếp tục xét xử số 14/2021/TB-TA ngày 31/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2021; Thông báo dời ngày xét xử số 34/2021/TB-TA ngày 29/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/10/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Kim Thị B, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.
- *Bị đơn*: Anh Thạch P, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: khóm T, phường P, thị xã Vc, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2021 (BL01) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Kim Thị B trình bày: Vào năm 2013 chị Kim Thị B và anh Thạch P tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, đến năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND Phường P, thị xã Vc, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/02/2019. Trong thời gian đầu chị B và anh P chung sống rất hạnh phúc nhưng được một thời gian thì giữa vợ chồng phát sinh Nều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, bất đồng ý kiến. Mâu thuẫn vợ chồng không có ai Bết, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Kim Thị B và anh Thạch P đã sống ly thân từ tháng 05/2020 cho đến nay. Trong quá trình chung sống với nhau có một đứa con chung tên Thạch Bảo N, sinh ngày 18/02/2014 (nữ) hiện đang do chị B nuôi dưỡng. Tài sản chung tự thỏa thuận với nhau và nợ chung không có.

Nay chị B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không thành do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn với anh P. Về con chung cháu Thạch Bảo N, sinh ngày 18/02/2014 (nữ) đã trên 07 tuổi và có đủ nhận thức, chị B tôn trọng ý kiến của cháu muốn sống với ai thì cho người đó nuôi dưỡng, nếu cháu muốn sống với chị B thì chị B không yêu cầu anh Thạch P thực hiện cấp dưỡng nuôi con, nếu cháu muốn sống với anh Thạch P thì chị B cũng không thực hiện cấp dưỡng. Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 05/4/2021 bị đơn anh Thạch P trình bày: Anh P thừa nhận về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị B trình bày tại đơn khởi kiện là đúng, do vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn với nhau nên anh P và chị B đã ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh P thì anh P không đồng ý ly hôn vì anh P còn thương vợ, thương con mong hàn gắn lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh P; về con chung: giao con chung Thạch Bảo N, sinh ngày 18/02/2014 (nữ) cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu N nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu N có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh P phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung các đương sự khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung các đương sự khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh P, nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do, chị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị B và anh P theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 04/3/2021 chị Kim Thị B yêu cầu được ly hôn với anh Thạch P có nơi cư trú tại khóm T, phường P, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội

đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị B, nhận thấy chị B và anh P tự nguyện sống chung với nhau năm 2013, đến năm 2019 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/02/2019. Quan hệ hôn nhân của chị B và anh P không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến khoảng tháng 5 năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cải vã nhau. Chị B nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh P nên có nguyện vọng ly hôn. Chị B và anh P đã không còn chung sống với nhau khoảng từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Đối với anh P thì không đồng ý ly hôn với chị B lý do còn thương vợ, thương con nên không muốn ly hôn, nhưng từ ngày ly thân cho đến nay thì vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Trong giai đoạn hòa giải mặc dù đã được Tòa án động viên đoàn tụ nhưng chị B vẫn kiên quyết ly hôn với anh P, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị B và anh P có 01 con chung tên Thạch Bảo N, sinh ngày 18/02/2014 (nữ) hiện đang chung sống với chị B. Chị B tôn trọng ý kiến của cháu muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng, nếu cháu muốn sống với chị B thì chị B không yêu cầu anh P thực hiện cấp dưỡng nuôi con, nếu cháu muốn sống với anh P thì chị B cũng không thực hiện cấp dưỡng và cũng theo nguyện vọng của cháu N nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của cháu N không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Thạch Bảo N, sinh ngày 18/02/2014 (nữ) cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Xét thấy, chị B hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự trình bày nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lời trình bày của bị đơn không đồng ý ly hôn là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị B đối với bị đơn anh Thạch P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị B được ly hôn với anh Thạch P.

- Về con chung: Giao con chung Thạch Bảo N, sinh ngày 18/02/2014 (nữ) cho chị Kim Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh Thạch P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Thạch P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh P không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thạch Bảo N của chị Kim Thị B thì chị B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Các đương sự trình bày để tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự trình bày nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Kim Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Bên lai số 0009369, ngày 11/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị B đã thực hiện xong. Anh Thạch P không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vc;
- UBND phường P;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng